

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM**

---

**DƯƠNG TRẦN BÌNH**

**QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI  
CĂN BẢN VÀ TOÀN DIỆN GIÁO DỤC**

**CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ GIÁO DỤC  
MÃ SỐ: 62.14.01.14**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC**

*Hà Nội 2016*

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI  
VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM**

*Người hướng dẫn khoa học*  
**GS.TS. NGUYỄN THỊ MỸ LỘC**  
**GS.TS. LÊ PHƯƠNG NGA**

Phản biện 1:.....

Phản biện 2:.....

Phản biện 3:.....

Luận án sẽ được bảo vệ trước **Hội đồng chấm Luận án cấp Viện**, họp tại

**Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam**

Vào hồi .....giờ.....ngày.....tháng....năm 2016

***Có thể tìm hiểu luận án tại:***

- Thư viện Quốc gia Việt Nam

- Thư viện Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

## CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Dương Trần Bình, *Thực trạng quản lý hoạt động dạy học ở các trường tiểu học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*, Tạp chí Quản lý Giáo dục, số đặc biệt tháng 11/2014.

2. Dương Trần Bình, *Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo hướng tiếp cận năng lực cho học sinh tiểu học nhằm đáp ứng mục tiêu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế của trường Đại học Tân Trào, Thái Nguyên, tháng 5/2015.

3. Dương Trần Bình, *Quản lý hoạt động dạy học ở tiểu học đáp ứng mục tiêu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục trong giai đoạn hiện nay*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học của trường Đại học sư phạm TPHCM, tháng 6/2015.

4. Dương Trần Bình, *Một số giải pháp quản lý dạy học ở tiểu học theo định hướng đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục*, Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt, tháng 6/2015.

5. Dương Trần Bình, *Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập cho HS TH nhằm đáp ứng mục tiêu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục*, Tạp chí Giáo dục, số kì 2 tháng 8/2015.

6. Dương Trần Bình, *Một số vấn đề cần thiết để hoạt động dạy học ở trường tiểu học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học năm 2015 của nghiên cứu sinh, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, tháng 12/2015.

7. Dương Trần Bình, *Một số biện pháp quản lý hoạt động dạy ở trường tiểu học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đáp ứng mục tiêu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục*, Tạp chí Giáo dục, số tháng 3/2016.

8. Dương Trần Bình, *Một số biện pháp quản lý hoạt động học ở trường tiểu học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đáp ứng mục tiêu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục*, Tạp chí Giáo dục, số tháng 3/2016.

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

1.1. Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện GD và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đang đặt ra yêu cầu cấp thiết là chuyển mạnh quá trình GD từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất HS.

1.2. DH với mục tiêu hình thành và phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất HS là vấn đề GD hết sức khoa học, nhân văn và bền vững. Mục đích cuối cùng cần đạt được của GD: phát huy khả năng, tiềm năng hoạt động của mỗi HS, tạo cho HS năng lực thực sự.

1.3. Thực tế GD TH và hoạt động DH ở các trường TH chưa đáp ứng được nhu cầu học tập của HS, chưa đáp ứng được sự phát triển của xã hội, chất lượng DH chưa toàn diện, sự phối hợp các lực lượng GD chưa đồng bộ.

1.4. Là CBQL GD TH trên địa bàn TPHCM, tác giả mong muốn tìm ra các BP QL hoạt động DH ở trường TH tại TPHCM với mục tiêu hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất HS đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD trong giai đoạn hiện nay.

Từ những lý do trên, tác giả lựa chọn nghiên cứu đề tài luận án: **“QL hoạt động DH ở trường TH tại TPHCM trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện GD”**.

### 2. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn hoạt động DH và QL hoạt động DH ở các trường TH, đề xuất các BP QL hoạt động DH ở trường TH đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện GD TH.

### 3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

3.1. *Khách thể nghiên cứu*: Hoạt động DH ở trường TH.

3.2. *Đối tượng nghiên cứu*: QL hoạt động DH ở trường TH trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện GD.

### 4. Phạm vi nghiên cứu

4.1. *Giới hạn nội dung*: Công tác QL hoạt động DH với 2 cấp QL: cấp trường; cấp Phòng GD và ĐT.

4.2. *Giới hạn về địa bàn khảo sát*: Công tác QL hoạt động DH ở trường TH thuộc 12 quận, huyện trên địa bàn TPHCM.

4.3. *Giới hạn về thời gian*: Công tác QL hoạt động DH ở các trường TH trong năm học 2013-2014; 2014-2015; 2015-2016.

### 5. Nhiệm vụ nghiên cứu

5.1. Nghiên cứu cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý của QL hoạt động DH ở trường TH trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện GD TH.

5.2. Khảo sát thực trạng về công tác QL hoạt động DH ở một số trường TH tại TPHCM trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện GD.

5.3. Đề xuất và thử nghiệm các BP QL hoạt động DH ở trường TH tại TPHCM trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện GD.

## **6. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết khoa học**

### *6.1. Câu hỏi nghiên cứu*

Hoạt động DH ở bậc TH tại TPHCM đang đặt ra những vấn đề gì cần đổi mới căn bản và toàn diện?

Bằng cách tiếp cận nào và những biện pháp QL nào có thể đổi mới căn bản và toàn diện DH ở bậc TH?

Những yếu tố nào quyết định tới thành công của sự đổi mới đó?

### *6.2. Giả thuyết khoa học*

Để chuyển đổi thành công từ hoạt động DH lấy kiến thức làm trọng tâm sang phát triển năng lực của HS, nhà QL có những quan điểm mới phù hợp và có hệ thống: chuyên đổi nhận thức CBQL và GV; cập nhật cho GV kiến thức và kỹ năng DH theo định hướng hình thành năng lực; mọi hoạt động của nhà trường, đặc biệt là tổ chức hoạt động DH được QL theo quan điểm lấy năng lực của HS làm trung tâm (từ phát triển chương trình đến xây dựng môi trường DH và triển khai các khâu của quá trình DH đều xoay quanh trục năng lực của HS) thì việc QL hoạt động DH ở các trường TH sẽ đáp ứng được mục tiêu đổi mới căn bản và toàn diện GD.

## **7. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

### **7.1. Phương pháp luận**

7.1.1. Tiếp cận hệ thống

7.1.2. Tiếp cận phát triển

7.1.3. Tiếp cận hoạt động

7.1.4. Tiếp cận sự phạm tương tác

### **7.2. Phương pháp nghiên cứu cụ thể**

7.2.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận

7.2.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn và tổng kết kinh nghiệm

7.2.2.1. Phương pháp điều tra bằng phiếu

7.2.2.2. Phương pháp phỏng vấn

7.2.2.3. Phương pháp thử nghiệm

7.2.2.4. Phương pháp lấy ý kiến chuyên gia

7.2.2.5. Phương pháp phân tích sản phẩm thực tiễn

7.2.3. Các phương pháp xử lý số liệu thống kê toán học

## **8. Đóng góp mới của luận án**

### **8.1. Về lý luận**

Đề tài hệ thống hóa và xây dựng một số vấn đề lý luận về hoạt động DH và QL hoạt động DH ở các trường TH.

Xác định nguyên tắc, nội dung, hình thức QL hoạt động DH, cùng các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động DH ở trường TH để thực hiện thành công đổi mới căn bản và toàn diện GD.

### **8.2. Về thực tiễn**

Đề tài làm rõ thực trạng hoạt động DH và QL hoạt động DH, tìm ra các bất cập của nó so với yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện GD. Từ đó, làm cơ sở cho việc đề xuất các BP QL hoạt động DH ở trường TH trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện GD.

## **9. Luận điểm bảo vệ**

9.1. QL hoạt động DH ở trường TH trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện GD tập trung trọng tâm chuyển từ QL hoạt động DH lấy kiến thức (lý thuyết) sang QL hoạt động DH với mục tiêu hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất HS là quan điểm phù hợp, khoa học. Vì vậy, cần chỉ rõ những yêu cầu cụ thể của quan điểm này đối với hoạt động DH ở TH và QL hoạt động DH ở TH thì quan điểm đổi mới căn bản và toàn diện GD bậc TH mới trở thành hiện thực.

9.2. Thực tế công tác QL hoạt động DH ở trường TH tại TPHCM còn nhiều bất cập so với các yêu cầu đổi mới.

9.3. Các BP QL hoạt động DH ở trường TH tại TPHCM trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện GD được đề xuất bao quát toàn diện các yếu tố cấu thành hoạt động DH bao gồm: hoạt động dạy - hoạt động học - môi trường DH.

## **CHƯƠNG 1**

### **CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI CĂN BẢN VÀ TOÀN DIỆN GIÁO DỤC TIỂU HỌC VIỆT NAM**

#### **1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề**

##### **1.1.1. Các nghiên cứu về hoạt động dạy học ở tiểu học**

###### **1.1.1.1. Ở nước ngoài**

Platon (427 - 347 trước công nguyên) đã khẳng định được vai trò tất yếu của GD trong xã hội, tính quyết định của chính trị đối với GD.

Khổng Tử (551 - 479 trước công nguyên) với quan điểm đề cao đến các quy định về nề nếp hoạt động DH, đề cao năng lực tự học, phát huy tinh thần độc lập suy nghĩ và sáng tạo của người học.

Từ cuối thế kỷ XIV, Cômênki (1592 - 1670), ông đã đưa ra quan điểm GD phải thích ứng với tự nhiên.

Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, John Dewey (1859 - 1952) - nhà GD Mỹ, đã phê phán cách thức tổ chức hoạt động DH áp đặt, thiếu động lực phát triển các kĩ năng giao tiếp của HS [94].

Sau này, nhà GD Kerschenteiner (1854 - 1932) đưa tư tưởng nguyên tắc của nhà trường tích cực vào hoạt động DH ở trường TH và trung học, thông qua cách thức tổ chức các hoạt động DH để phát triển tính cách của người học [6, tr.25].

Vào những năm đầu thế kỉ XX, R.Cousinet đã tiến thêm một bước mới: Phát triển tư tưởng DH và xây dựng một quy trình kĩ thuật DH [6].

Kế thừa R.Cousinet, Peter Peterson đã nghiên cứu và tổ chức hoạt động DH có hệ thống kế hoạch hoạt động [21, tr.95].

Những năm 30 - 40 của thế kỷ XX, nghiên cứu của A Ja Kiel cho thấy, người học ở lứa tuổi thanh, thiếu niên có nhu cầu tương tác rất cao, sự phát triển tư duy và ngôn ngữ tương đối hoàn thiện [21, tr.95]. Còn nghiên cứu của Elsa Kohler chú trọng đến sự thiết lập một môi trường sư phạm, hoạt động tự do của người học cần được chú ý về mặt tâm lý [6].

Mãi đến những năm 60 của thế kỉ XX, cùng với Rogers, Kurt Lewin (1895 - 1947) đã xây dựng lý thuyết hoạt động DH hướng vào từng cá nhân [27, tr.61].

Từ những năm 80 của thế kỉ XX đến nay, các nghiên cứu chủ yếu hướng vào xây dựng mô hình và chiến lược DH, tiêu biểu có các nghiên cứu của tác giả: Joe Landsberger [41], Robert J. Marzano [75]...

Ở các nước XHCN trước đây, tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đã định hướng cho hoạt động GD là các quy luật về “*sự hình thành cá nhân con người*”, về “*tính quy luật của kinh tế - xã hội đối với GD...*”.

Theo quan điểm của nhà GD Êxipôp B.P: “*Phối hợp các hình thức tổ chức DH có lợi cho người học*” [18, tr.76]. Nhà sư phạm học Kô tôp đã xây dựng một quy trình kĩ thuật tương đối hoàn chỉnh về cách thức tổ chức hoạt động DH.

#### 1.1.1.2. Ở Việt Nam

Vấn đề hoạt động DH được đề cập nhiều trong các tác phẩm dưới thời phong kiến như: Nguyễn Trãi, Chu Văn An...

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề lại cho GD Việt Nam nền tảng lý luận về: vai trò của GD, định hướng phát triển GD, mục đích DH, các nguyên lý DH, các phương thức DH, vai trò của QL và CBQL GD, PP lãnh đạo và QL...

Trên diễn đàn khoa học GD, các công trình khoa học đã được công bố như: [7], [13], [40], [52], [57], [63], [83], [87] ...

Các đề tài, luận án cũng bàn luận về vấn đề hoạt động DH như: [25], [46], [67], [85].

Một số tạp chí chuyên ngành cũng đăng tải các kết quả nghiên cứu bàn đến một số vấn đề có liên quan hoạt động DH [28], [38], [62], [66].

### **1.1.2. Các nghiên cứu về quản lý hoạt động dạy học ở tiểu học**

#### **1.1.2.1. Ở nước ngoài**

Năm 1956, cuốn “QL trường học” (Skolovedenie) của A.Pôpốp [2] là một tập hợp khá hoàn chỉnh các chỉ dẫn cho hoạt động thực tiễn của những người làm công tác QL GD; trong đó có QL hoạt động DH.

Vào giữa những năm 70, M.I Kôndakốp đã dày công nghiên cứu những vấn đề về QL GD [60].

Năm 1987, Viện QL và Kinh tế GD thuộc Viện Hàn lâm sư phạm (Liên Xô cũ) đã tổng kết, trình bày những quan điểm mới nhất về QL GD nói chung và QL hoạt động DH nói riêng [89].

Tại các nước phương Tây, năm 1968, các tác giả Jacob W. Getzels, Tames M. Lipham, Roald F. Campbell đã cho ra đời công trình đầu tiên nghiên cứu khá hoàn chỉnh các vấn đề QL GD dưới ánh sáng của các học thuyết QL chung [92].

Từ năm 1964, loạt sách về kế hoạch hóa GD tập hợp khuynh hướng nghiên cứu vấn đề quan trọng của QL GD: kế hoạch hóa GD.

Đầu những năm 90, UNESCO PROAP đã xuất bản cuốn sách có tính cảm nang về kỹ năng QL GD “Kế hoạch hóa và QL GD vi mô”.

Những năm cuối của thế kỉ XX, sách báo về QL GD đã xuất hiện rất nhiều. Điển hình là các công trình đề cập những quan điểm mới về QL GD nói chung và QL hoạt động DH nói riêng [75], [82], [92]...

#### **1.1.2.2. Ở Việt Nam**

Nhiều nhà sư phạm QL đã tiến hành nghiên cứu một cách toàn diện các vấn đề về vị trí, vai trò của việc QL quá trình DH, điển hình là [4], [43], [52], [64], [69]...

Nhiều nhà nghiên cứu đã đi sâu nghiên cứu vấn đề đổi mới QL hoạt động DH, vấn đề lấy HS làm trung tâm trong hoạt động DH như: [23], [40], [71], [90]...

Những công trình nghiên cứu và giảng dạy về chuyên đề QL GD nói chung và QL hoạt động DH nói riêng.

Một số công trình nghiên cứu cũng đã đề cập đến vấn đề tăng cường QL hoạt động DH, phổ biến kinh nghiệm QL chung cho CBQL, như: [13]; [56]; [57]; [82]...

Các đề tài, luận án cũng bàn luận về vấn đề hoạt động DH như: [84].



Một số tạp chí chuyên ngành bàn đến vấn đề có liên quan QL hoạt động DH nhằm phát huy tính tích cực HS [33], [50], [73], [78]...

## **1.2. Những khái niệm cơ bản**

### **1.2.1. Quản lý**

*QL* là sự tác động có ý thức, có tổ chức, có hướng đích của chủ thể QL để lãnh đạo, hướng dẫn, điều khiển đối tượng QL thực hiện nhằm đạt mục tiêu đã đề ra.

*QL GD* là quá trình tác động có định hướng của người QL GD trong việc vận dụng những nguyên lý, PP chung nhất của khoa học QL vào lĩnh vực GD nhằm đạt được mục tiêu mà GD đề ra.

*QL nhà trường* là một hệ thống những tác động sư phạm hợp lý và có hướng đích của chủ thể QL đến đối tượng QL nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra một cách hiệu quả.

### **1.2.2. Hoạt động dạy học**

Hoạt động DH là quá trình GV tiến hành các thao tác có tổ chức và có định hướng và HS bằng hoạt động của bản thân, từng bước có năng lực tư duy và năng lực hành động với mục đích chiếm lĩnh các giá trị tinh thần, các hiểu biết, các kỹ năng, các giá trị văn hóa...

### **1.2.3. Quản lý hoạt động dạy học**

QL hoạt động DH của CBQL các cấp đối với các trường TH chính là QL quá trình sư phạm tương tác giữa GV, HS và yếu tố môi trường tác động vào hoạt động DH và GD theo chương trình đã được quy định.

## **1.3. Hoạt động dạy học ở cấp tiểu học**

### **1.3.1. Vị trí, vai trò, nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường TH**

#### *1.3.1.1. Vị trí, vai trò*

Điều 2, Điều lệ Trường TH cho rằng “*Trường TH là cơ sở GD phổ thông của hệ thống GD quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng*” [11].

#### *1.3.1.2. Nhiệm vụ và quyền hạn*

Theo Điều lệ trường TH, tại điều 3 chương I quy định cụ thể nhiệm vụ và quyền hạn của trường TH.

### **1.3.2. Đặc trưng hoạt động dạy học ở cấp tiểu học**

#### *1.3.2.1. Đặc trưng của học sinh tiểu học*

- a. Về nhận thức
- b. Về tri giác
- c. Về khả năng chú ý
- d. Về trí nhớ
- e. Về tưởng tượng
- g. Về tư duy và sự phát triển tư duy

#### *1.3.2.2. Mục tiêu dạy học tiểu học*

Mục tiêu DH cấp TH nhằm hình thành cho HS có những hiểu biết cơ bản và cần thiết về tự nhiên, xã hội và con người.... [10]

#### *1.3.2.3. Nội dung hoạt động dạy học tiểu học*

Tổ chức DH theo chuẩn kiến thức, kỹ năng; đổi mới đồng bộ PP dạy, PP học và kiểm tra, đánh giá; DH ngoại ngữ theo chương trình mới và tổ chức DH 2 buổi/ngày đối với những trường đủ điều kiện.

#### *1.3.2.4. Đặc điểm hoạt động dạy học tiểu học*

Cấp TH là cấp học đầu tiên của hệ thống GD phổ thông, PPDH TH bắt đầu “*dạy theo PP nhà trường*” gồm nội dung, PP, hình thức tổ chức. GV TH phải dạy toàn diện các môn học bắt buộc ở cấp học, thời gian tiếp xúc với HS dài, liên tục, thường xuyên. Vì vậy, GV TH với HS TH có mối quan hệ đặc biệt gần gũi.

### **1.4. Yêu cầu hoạt động dạy học ở cấp tiểu học trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục**

#### ***1.4.1. Mục tiêu đổi mới căn bản và toàn diện đối với hoạt động DH ở cấp TH [3]***

- Tập trung phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực cho HS...

- Nâng cao chất lượng GD toàn diện...

- Phát triển khả năng sáng tạo, tự học, khuyến khích học tập...

#### ***1.4.2. Nội dung đổi mới căn bản và toàn diện đối với hoạt động DH ở cấp TH***

- Đáp ứng yêu cầu GD toàn diện....

- Nội dung chương trình GD phải cơ bản tinh giản, thiết thực và cập nhật với sự phát triển khoa học công nghệ, kinh tế - xã hội phù hợp sự phát triển của HS.

- ĐT và bồi dưỡng GV đáp ứng được việc đổi mới GD TH là nhiệm vụ trọng tâm.

- Từng bước nâng cấp CSVC theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa...

### **1.5. Quản lý hoạt động dạy học ở trường tiểu học theo tiếp cận sự phạm tương tác trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục**

#### ***1.5.1. Tiếp cận sự phạm tương tác trong quản lý hoạt động dạy học ở trường tiểu học***

#### ***1.5.2. Nội dung quản lý hoạt động dạy học ở trường tiểu học theo tiếp cận sự phạm tương tác***

##### *1.5.2.1. Quản lý hoạt động dạy*

a. Quản lý việc xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học

b. Quản lý đổi mới phương pháp dạy học

c. Quản lý việc triển khai quan điểm sư phạm tương tác vào trong hoạt động dạy của GV

d. Quản lý việc sử dụng, bồi dưỡng đội ngũ GV

e. Quản lý hoạt động kiểm tra - đánh giá giáo viên

#### *1.5.2.2. Quản lý hoạt động học*

a. Quản lý việc triển khai học tập theo quan điểm sư phạm tương tác cho HS

b. Quản lý việc hình thành kỹ năng tự học cho HS

c. Quản lý đổi mới đánh giá kết quả học tập của HS theo mục tiêu phát triển năng lực

#### *1.5.2.3. Quản lý môi trường dạy học*

a. Quản lý môi trường dạy học bên trong

b. Quản lý môi trường bên ngoài nhà trường

*1.5.2.4. Mối quan hệ tương tác giữa ba thành tố cơ bản quản lý hoạt động dạy, quản lý hoạt động học và quản lý môi trường dạy học ở trường tiểu học trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục*

a. Quản lý tương tác hoạt động dạy - hoạt động học

b. Quản lý tương tác hoạt động học - hoạt động học

c. Quản lý tương tác hoạt động dạy, hoạt động học, môi trường DH

### **1.6. Kết luận chương 1**

## **CHƯƠNG 2**

### **THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI CĂN BẢN VÀ TOÀN DIỆN GIÁO DỤC**

#### **2.1. Khái quát về nghiên cứu thực trạng**

##### **2.1.1. Mục đích nghiên cứu**

##### **2.1.2. Nội dung nghiên cứu**

**2.1.3. Địa bàn nghiên cứu:** 12 quận (huyện), mỗi quận (huyện) 2 trường TH

**2.1.4. Đối tượng nghiên cứu:** 324 CBQL (Cấp Phòng: 108; Cấp trường: 216); 300 GV; 480HS; 120 PHHS

##### **2.1.5. Phương pháp nghiên cứu**

Dùng phiếu hỏi; tiên hành phỏng vấn; quan sát giờ dạy, hoạt động GD, nghiên cứu các sản phẩm của GV - HS; dùng nguồn số liệu thứ cấp qua báo cáo của các trường, các Phòng GD-ĐT, Sở GD-ĐT.

#### **2.2. Kết quả nghiên cứu thực tiễn**

**2.2.1. Khái quát chung về đặc điểm địa lý tự nhiên và kinh tế - văn hóa- xã hội - giáo dục TPHCM**

2.2.1.1. Đặc điểm địa lý tự nhiên

2.2.1.2. Đặc điểm kinh tế

2.2.1.3. Đặc điểm văn hóa - xã hội

2.2.1.4. Đặc điểm giáo dục

## 2.2.2. *Khái quát chung về phát triển giáo dục tiểu học tại TPHCM*

2.2.2.1. *Mạng lưới trường, lớp và quy mô phát triển*

**Bảng 2.1: Mạng lưới trường, lớp và quy mô phát triển**

Tổng số trường				Số lớp			Số HS		
Tổng số	Công lập	DL, TT	Quốc tế	Tổng số	Bán trú, 2 buổi	1 buổi	Tổng số	Bán trú, 2 buổi	1 buổi
514	464 (90,3)	47 (9,1%)	3 (0,6%)	14070	9021 (64,1%)	5049 (35,9)	556270	371779 (66,8%)	184491 (33,2%)

2.2.2.2. *Đội ngũ giáo viên*

**Bảng 2.2: Đội ngũ giáo viên**

Số GV		Trình độ		Chất lượng chính trị			Chuyên môn, nghiệp vụ			Chuẩn nghề nghiệp GV TH		
Tổng số	Nữ	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Xuất sắc	Khá	TB
18996	17533 92,3%	18990 99,7%	18269 96,1%	18078 95,2%	918 4,8%	0 0%	11587 61%	6078 32%	1331 7%	11587 61%	6078 32%	1331 7%

2.2.2.3. *Chất lượng dạy và học*

**Bảng 2.3: Kết quả chất lượng giáo dục cuối năm**

Tổng số HS	Chất lượng				Năng lực			
	Đạt	%	Chưa đạt	%	Đạt	%	Chưa đạt	%
556270	555831	99,92%	439	0,08%	555359	99,84%	911	0,16%

Tổng số HS	Khen thưởng		Hoàn thành CT		KT lại		Bỏ học	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
556270	426955	76,76%	552978	99,46%	3292	0,54%	74	0,01%

2.2.2.4. *Cơ sở vật chất, trang thiết bị*

- Tính đến tháng 5/2015, các trường TH trên địa bàn thành phố có 11.545 phòng học (trong đó có 2.373 phòng học cấp bốn) cho 14.070 lớp, trung bình 0,82 phòng/ lớp.

- Trang TB phục vụ chương trình tương đối đồng bộ ở các khối.

2.2.2.5. *Công tác quản lý*

Công tác QL được đánh giá là thực hiện nghiêm túc, tập trung vào các khâu: thực hiện phân phối chương trình, chế độ kiểm tra, đánh giá HS.

**2.2.3. *Thực trạng hoạt động dạy học ở trường tiểu học tại TPHCM trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục***

### 2.2.3.1. Thực trạng quy mô phát triển lớp và học sinh

Qua khảo sát cho thấy số HS của 24 trường là 37.575 em. Số lớp là 902. Bình quân HS trên lớp ở các trường không đồng đều.

### 2.2.3.2. Thực trạng hoạt động dạy

#### a. Thực trạng đội ngũ giáo viên

GV TH tỉ lệ nữ chiếm phần lớn 958/1.127 (85%). Xếp loại chuyên môn theo tiêu chí của các Phòng GD-ĐT 24 quận (huyện) có 764/1.127 (67,8%) GV xếp loại tốt, 327/1.127 GV xếp loại khá (29%), 36/1.127 GV xếp loại trung bình (3,2%), không có GV xếp loại yếu, kém; 100% GV của các trường đều đạt chuẩn và trên chuẩn. Tỉ lệ GV lớn tuổi khá cao.

#### b. Thực trạng đổi mới phương pháp dạy học

**Bảng 2.6. Kết quả thống kê thực trạng kết quả đổi mới PPDH**

TT	Nội dung khảo sát (Thống kê phiếu dự giờ của tiết dạy)	Số lượng (6.148 phiếu)	Tỉ lệ (%)
1	Tiết dạy xếp loại Tốt	4207	68,4
2	Tiết dạy xếp loại Khá	1592	25,9
3	Tiết dạy xếp loại Trung bình	345	5,6
4	Tiết dạy xếp loại Chưa đạt	4	0,1

#### c. Thực trạng đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

**Bảng 2.7: Kết quả khảo sát thực trạng đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS**

TT	Nội dung khảo sát	Mức độ đánh giá (283 GV)							
		Tốt	Tỉ lệ	Khá	Tỉ lệ	TB	Tỉ lệ	Chưa tốt	Tỉ lệ
1	GV đánh giá bằng nhận xét	143	50,5	66	23,3	46	16,3	28	9,9
2	GV đánh giá bằng điểm số	147	51,9	69	24,3	47	16,6	20	7,2
3	GV đánh giá thường xuyên	151	53,4	69	24,4	51	18,0	12	4,2
4	GV đánh giá định kỳ	151	53,4	59	20,9	60	21,2	13	4,5
5	HS tự đánh giá	101	35,7	79	27,9	61	21,6	42	14,8
6	HS đánh giá bạn trong lớp	92	32,5	70	24,7	68	20,1	53	18,7
7	TCM đánh giá chất lượng DH	98	34,6	70	24,7	68	20,1	47	16,6
8	CBQL các cấp đánh giá chất lượng DH	110	38,9	62	22,0	65	22,9	46	16,2

#### d. Thực trạng hoạt động tổ chuyên môn

Qua khảo sát, kết quả cho thấy: Các tổ trưởng chuyên môn đã nhận thức được vai trò QL tổ, xây dựng được chương trình hoạt động chung của tổ, tham mưu cho CBQL trong việc phân công giảng dạy và tham gia QL thực hiện quy chế, tổ chức phong trào thi đua trong tổ và trong trường. Tuy nhiên, chất lượng sinh hoạt TCM đạt kết quả chưa cao, vì còn dùng nhiều thời gian cho sự vụ, thời gian bàn bạc về nội dung chuyên môn ít, việc trao

đôi kinh nghiệm gần như không có.

### 2.2.3.3. Thực trạng hoạt động học

#### a. Thực trạng chất lượng giáo dục, kết quả học tập

Qua bảng khảo sát 2.9 và 2.10 cho thấy kết quả đánh giá phẩm chất, năng lực của HS của 24 trường đạt tỉ lệ cao: phẩm chất (99,95% HS đạt; 0,05% HS không đạt); năng lực (99,69% HS đạt; 0,31% HS không đạt).

**Bảng 2.11: Kết quả khảo sát thực trạng tổ chức hoạt động học các môn học**

T T	Nội dung khảo sát (các môn học)	Mức độ đánh giá (240 GV)							
		Tốt	Tỉ lệ	K há	Tỉ lệ	TB	Tỉ lệ	Chưa tốt	Tỉ lệ
1	Môn Tiếng Việt	190	79,2	18	7,5	20	8,3	12	5
2	Môn Toán	192	80	18	7,5	14	5,8	16	6,7
3	Môn Đạo đức	118	49,2	32	13,3	40	16,7	50	20,8
4	Môn Tự nhiên và Xã hội ( <i>Khoa, Sử - Địa</i> )	141	58,8	38	15,8	32	13,3	29	12,1
5	Môn Nghệ thuật ( <i>Kĩ thuật, Mĩ thuật, Âm nhạc</i> )	136	56,7	35	14,6	39	16,2	30	12,5
6	Môn Thể dục	125	52,1	39	16,2	35	14,6	41	17,1
7	Môn Tự chọn ( <i>Tiếng Anh và Tin học</i> )	107	44,6	48	20,0	35	14,6	50	20,8

#### b. Thực trạng tổ chức hoạt động dạy học 1 buổi/ngày

Kết quả khảo sát cho thấy rằng các trường rất quan tâm thực hiện đúng quy định việc tổ chức thực hiện thời khóa biểu tối đa 5 tiết/buổi và tối thiểu 5 buổi/tuần theo đúng quy định của Bộ GD-ĐT. Tuy nhiên, thực hiện nội dung “*hoạt động ngoài giờ lên lớp - 4 tiết/tháng*” còn bị lạm dụng để tổ chức hoạt động DH hay làm hoạt động khác, chưa đảm bảo theo quy định.

#### c. Thực trạng tổ chức hoạt động dạy học 2 buổi/ngày

Kết quả khảo sát, về thực hiện thời khóa biểu tối đa 7 tiết/ngày được hầu hết các trường thực hiện đúng quy định, đạt kết quả khảo sát cao nhất. Về việc tổ chức cho HS tự học có hướng dẫn của GV được đánh giá hiệu quả tốt, xếp thứ hai. Tuy nhiên, các chỉ số về việc tổ chức bồi dưỡng HS năng khiếu, tổ chức hoạt động DH tự chọn, tổ chức hoạt động ngoài giờ lên lớp ở buổi thứ hai trong ngày được đánh giá chưa cao.

### 2.2.3.4. Thực trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động dạy và học

Cấp TH hiện có số HS khá đông, trung bình toàn thành phố là 41 HS/lớp; Tỉ lệ GV/lớp đạt 1,35 GV/lớp; tỉ lệ HS/GV khá lý tưởng trung bình từ 31 HS/GV; tỉ lệ lớp/phòng học từ 1,22 lớp/phòng; tổng số phòng học TH kiên cố hiện nay là 74,4% (năm học 2014-2015). Đây là điều kiện thuận lợi để tổ chức học 2 buổi/ngày, nâng cao chất lượng GD toàn diện cho HS.

Số trang TB khác phục vụ việc dạy và học đảm bảo tỉ lệ chung của các trường TH trong thành phố. Tuy nhiên, thực tế rất nhiều bộ TB không đồng bộ, hoặc GV chưa phát huy hiệu quả sử dụng.

**Bảng 2.15: Thống kê tiến độ xây dựng trường TH đạt chuẩn quốc gia**

Năm học	2004-2005	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015
Tổng số trường	417	482	489	507	514
Số trường CQG	9	36	45	51	54
Tỉ lệ	2,2	7,5	9,2	10,0	10,5

**2.2.4. Thực trạng về quản lý hoạt động dạy học ở trường tiểu học tại TPHCM trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục**

**2.2.4.1. Thực trạng đội ngũ cán bộ quản lý**

**Bảng 2.16: Kết quả khảo sát thực trạng đội ngũ CBQL**

CBQL các cấp	Tổng số	Giới tính		Trình độ			Tuổi đời		Nghị vụ QL		Tuổi nghề (năm)		
		Nam	Nữ	BH, ĐH	CD	THSP	Dưới 45	Trên 45	Đã học	Chưa học	Trên 15	10-15	Dưới 10
Sở, Phòng	108	53	55	95	11	2	49	59	91	17	67	23	18
Trường	216	58	158	169	47	0	129	87	161	55	128	63	25

**2.2.4.2. Quản lý hoạt động dạy**

**a. Quản lý việc xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học**

**Bảng 2.17: Kết quả đánh giá việc QL xây dựng và thực hiện kế hoạch của các cấp QL (Phòng, trường) (%)**

TT	Nội dung	Tự nhận xét của CBQL			Đánh giá của tổ trưởng và GV							
		Thường xuyên	Không thường xuyên	Không thực hiện	Mức độ thực hiện			Kết quả thực hiện				
					Thường xuyên	Không thường xuyên	Không thực hiện	Tốt	Khá	TB	Yếu	
1	Chỉ đạo GV nắm vững phân phối chương trình theo quy định	100	0	0	91	7	2	81	14	5	0	
2	Chỉ đạo các TCM xây dựng kế hoạch	100	0	0	90	6	4	82	17	1	0	
3	Chỉ đạo xây dựng kế hoạch giảng dạy của GV	100	0	0	89	8	3	83	16	1	0	
4	Chỉ đạo GV xây dựng kế hoạch giảng dạy phân kiến thức tự chọn, mở rộng	92	8	0	72	23	5	69	22	9	0	

**b. Quản lý đổi mới phương pháp giảng dạy**

**Bảng 2.18: Kết quả đánh giá việc QL đổi mới PPDH của CBQL cấp Phòng và cấp trường (%)**

TT	Nội dung	Tự nhận xét của CBQL			Đánh giá của tổ trưởng và GV							
		Thường xuyên	Không thường xuyên	Không thực hiện	Mức độ thực hiện			Kết quả thực hiện				
					Thường xuyên	Không thường xuyên	Không thực hiện	Tốt	Khá	TB	Yếu	
1	Tổ chức cho GV nghiên cứu và quán triệt yêu	91,3	8,7	0	82	18	0	77	19	4	0	

	câu đổi mới PPDH										
2	Tổ chức thảo luận về đổi mới PPDH	83,6	16,4	0	79	20	1	66	30	4	0
3	Tổ chức soạn bài và giảng bài mẫu theo yêu cầu đổi mới PPDH ở các môn học	91,3	8,7	0	82	18	0	82	16	2	0
4	Rút kinh nghiệm về bài soạn, giờ dạy của GV	91,3	8,7	0	76	24	0	81	19	0	0
5	Quy định về thực hiện đổi mới PPDH	91,3	8,7	0	73	13	14	76	19	5	0
6	Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện của GV	91,3	8,7	0	82	11	7	82	18	0	0

*c. Quản lý triển khai quan điểm sư phạm tương tác vào trong hoạt động dạy của giáo viên*

*\* Quản lý triển khai quan điểm sư phạm tương tác vào trong hoạt động dạy của giáo viên thông qua việc soạn bài lên lớp*

**Bảng 2.19: Kết quả đánh giá việc QL soạn bài lên lớp của GV (%)**

TT	Nội dung	Tự nhận xét của CBQL			Đánh giá của tổ trưởng và GV						
		Thường xuyên	Không thường xuyên	Không thực hiện	Mức độ thực hiện			Kết quả thực hiện			
					Thường xuyên	Không thường xuyên	Không thực hiện	Tốt	Khá	TB	Yếu
1	Tổ chức hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện các văn bản, quy chế chuyên môn	100	0	0	90	9	1	82	18	0	0
2	Yêu cầu soạn bài đúng PPCT và đổi mới PPDH nhằm phát triển phẩm chất, năng lực cho HS	100	0	0	87	7	6	74	20	6	0
3	Bài soạn đúng yêu cầu về kiến thức, phân phối thời gian...	91,3	8,7	0	83	17	0	80	20	0	0
4	Chuẩn bị đủ các yêu cầu về TB, phương tiện phục vụ bài dạy	91,3	8,7	0	83	17	0	85	15	0	0
5	Kiểm tra bài soạn thường xuyên và định kỳ	100	0	0	90	10	0	85	14	1	0
6	Đánh giá và điều chỉnh kịp thời	91,3	8,7	0	87	11	2	84	14	2	0

*\* Quản lý triển khai quan điểm sư phạm tương tác vào trong hoạt động dạy của giáo viên thông qua giờ lên lớp của giáo viên*

**Bảng 2.20: Kết quả đánh giá CBQL các cấp QL giờ lên lớp của GV (%)**

TT	Nội dung	Tự nhận xét của CBQL			Đánh giá của tổ trưởng và GV						
		Thường xuyên	Không thường xuyên	Không thực hiện	Mức độ thực hiện			Kết quả thực hiện			
					Thường xuyên	Không thường xuyên	Không thực hiện	Tốt	Khá	TB	Yếu
1	Tổ chức triển khai các văn bản, quy định về chuyên môn, giờ lên lớp của GV TH	84,6	15,4	0	80	20	0	83	16	1	0
2	QL giờ lên lớp,	91,3	8,7	0	85	13	2	75	20	5	0



	thời gian ra vào lớp qua các văn bản và giám sát										
3	Chỉ đạo đổi mới PP và sử dụng có hiệu quả các TBDH nhằm phát triển phẩm chất, năng lực cho HS	91,3	8,7	0	85	14	1	87	12	1	0
4	Thực hiện dạy thay, dạy bù đúng quy định	91,3	8,7	0	85	14	1	84	14	2	0
5	Tổ chức thanh, kiểm tra về chương trình, chất lượng, hiệu quả của giờ lên lớp	100	0	0	89	10	1	85	13	2	0
6	Đánh giá và xử lý những vi phạm chuyên môn và giờ lên lớp	100	0	0	86	11	3	84	14	2	0

*d. Quản lý việc sử dụng và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên*

*\* Quản lý việc phân công giảng dạy cho giáo viên*

**Bảng 2.21: Kết quả đánh giá thực trạng QL phân công giảng dạy cho GV của CBQL nhà trường (%)**

TT	Nội dung	Tự nhận xét của CBQL			Đánh giá của tổ trưởng và GV						
		Thường xuyên	Không thường xuyên	Không thực hiện	Mức độ thực hiện			Kết quả thực hiện			
					Thường xuyên	Không thường xuyên	Không thực hiện	Tốt	Khá	TB	Yếu
1	Theo năng lực chuyên môn của GV	100	0	0	78	12	10	75	20	5	0
2	Theo nguyện vọng và hoàn cảnh của GV	85,6	14,4	0	56	31	13	50	40	10	0
3	Theo năng lực của GV và đặc điểm của mỗi lớp	100	0	0	67	24	9	71	25	4	0
4	Theo nguyện vọng và yêu cầu của HS và PHHS	85,6	14,4	0	41	23	36	31	56	13	0
5	Theo cảm tính chủ quan của CBQL nhà trường	85,6	14,4	0	51	24	25	41	41	18	0

*\* Quản lý việc bồi dưỡng giáo viên*

**Bảng 2.22: Kết quả đánh giá thực trạng QL hoạt động bồi dưỡng GV của CBQL cấp Phòng và cấp trường (%)**

TT	Nội dung	Tự nhận xét của CBQL			Đánh giá của tổ trưởng và GV						
		Thường xuyên	Không thường xuyên	Không thực hiện	Mức độ thực hiện			Kết quả thực hiện			
					Thường xuyên	Không thường xuyên	Không thực hiện	Tốt	Khá	TB	Yếu
1	Khảo sát, đánh giá, lập quy hoạch bồi dưỡng đội ngũ GV	100	0	0	94	6	0	91	9	0	0

2	Thực hiện công tác bồi dưỡng thường xuyên theo chu kỳ	100	0	0	96	4	0	94	6	0	0
3	Tổ chức sinh hoạt chuyên môn, sinh hoạt chuyên đề, giúp GV tự học, tự bồi dưỡng	93,3	6,7	0	91	8	1	91	9	0	0
4	Động viên, tạo điều kiện để GV được đi học nâng cao trình độ	93,3	6,7	0	91	8	1	94	6	0	0
5	Tổ chức tham quan, học tập, giao lưu	100	0	0	94	6	0	94	6	0	0

*e. Quản lý việc kiểm tra, đánh giá giáo viên*

**Bảng 2.23: Kết quả đánh giá CBQL cấp Phòng và cấp trường QL kiểm tra, đánh giá GV (%)**

TT	Nội dung	Tự nhận xét của CBQL			Đánh giá của tổ trưởng và GV						
		Thường xuyên	Không thường xuyên	Không thực hiện	Mức độ thực hiện			Kết quả thực hiện			
					Thường xuyên	Không thường xuyên	Không thực hiện	Tốt	Khá	TB	Yếu
1	CBQL triển khai các văn bản quy định, yêu cầu về việc kiểm tra, đánh giá GV	100	0	0	95	5	0	94	5	1	0
2	Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá GV trong nhà trường	91,3	8,7	0	85	14	1	78	20	2	0
3	Thực hiện kế hoạch kiểm tra, đánh giá GV: định kỳ, đột xuất,...	85,6	14,4	0	78	21	1	75	20	5	0
4	Thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá GV	100	0	0	95	5	0	85	14	1	0
5	Điều chỉnh và xử lý kịp thời những nội dung và thông tin sau kiểm tra, đánh giá	85,6	14,4	0	78	22	0	78	19	3	0

*2.2.4.3. Quản lý hoạt động học*

*a. Quản lý việc triển khai học tập theo quan điểm sự phạm tương tác cho học sinh*

**Bảng 2.24: Kết quả đánh giá việc triển khai học tập theo quan điểm sự phạm tương tác cho HS trong nhà trường (%)**

TT	Nội dung	Tự nhận xét của CBQL			Đánh giá của tổ trưởng và GV						
		Thường xuyên	Không thường xuyên	Không thực hiện	Mức độ thực hiện			Kết quả thực hiện			
					Thường xuyên	Không thường xuyên	Không thực hiện	Tốt	Khá	TB	Yếu
1	Triển khai các văn bản quy định về tổ chức học tập cho HS trong trường TH	100	0	0	95	5	0	90	10	0	0

2	Kiểm tra, phân loại HS để có kế hoạch DH cụ thể theo đối tượng nhằm phát triển phẩm chất, năng lực HS	85,6	14,4	0	76	23	1	76	19	5	0
3	Kết hợp ý kiến của HS, TCM để phân công giảng dạy cho GV	85,6	14,4	0	80	16	4	72	21	7	0
4	QL việc lĩnh hội kiến thức của HS theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS	100	0	0	94	5	1	88	11	1	0
5	QL việc tự điều khiển hoạt động học của HS	91,3	8,7	0	84	11	5	82	17	1	0

*b. Quản lý việc hình thành kỹ năng tự học cho học sinh*

**Bảng 2.25: Kết quả đánh giá thực trạng QL hoạt động tự học của HS (%)**

TT	Nội dung	Tự nhận xét của CBQL			Đánh giá của tổ trưởng và GV						
		Thường xuyên	Không thường xuyên	Không thực hiện	Mức độ thực hiện			Kết quả thực hiện			
					Thường xuyên	Không thường xuyên	Không thực hiện	Tốt	Khá	TB	Yếu
1	GD ý thức động cơ và thái độ học tập	100	0	0	95	4	1	94	4	2	0
2	GD PP học tập cho HS	85,6	14,4	0	76	20	4	74	22	4	0
3	Quy định nề nếp học tập trên lớp của HS	85,6	14,4	0	80	15	5	75	20	5	0
4	Quy định nề nếp tự học ở nhà của HS	100	0	0	80	14	6	80	14	6	0
5	Tổ chức theo dõi việc thực hiện nề nếp của HS	100	0	0	87	11	2	86	13	1	0

*c. Quản lý việc đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh theo mục tiêu phát triển năng lực*

**Bảng 2.26: Kết quả đánh giá CBQL cấp Phòng và cấp trường QL hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS (%)**

TT	Nội dung	Tự nhận xét của CBQL			Đánh giá của tổ trưởng và GV						
		Thường xuyên	Không thường xuyên	Không thực hiện	Mức độ thực hiện			Kết quả thực hiện			
					Thường xuyên	Không thường xuyên	Không thực hiện	Tốt	Khá	TB	Yếu
1	Triển khai các văn bản quy định về kiểm tra, đánh giá HS trong trường TH	100	0	0	95	4	1	94	5	1	0
2	Tổ chức kiểm tra, đánh giá phân loại HS	85,6	14,4	0	76	20	4	76	20	4	0
3	Kiểm tra, giám sát việc chấm, trả bài cho HS của GV	85,6	14,4	0	80	15	5	75	20	5	0
4	Chỉ đạo các kì kiểm tra chất lượng, nghiêm túc, khoa học (ra đề, coi, chấm, lên điểm)	100	0	0	95	4	1	85	15	0	0
5	Kiểm tra số theo dõi chất lượng GD, học bạ thường xuyên, theo	100	0	0	87	11	2	85	14	1	0

	định kỳ											
6	Đánh giá và điều chỉnh kịp thời các nội dung, PP kiểm tra, đánh giá của GV với kết quả của HS	91,3	8,7	0	85	14	1	82	15	3	0	

#### 2.2.4.4. Quản lý môi trường dạy học

##### a. Quản lý môi trường dạy học bên trong

**Bảng 2.27: Kết quả đánh giá thực trạng QL môi trường DH bên trong (%)**

TT	Nội dung	Tự nhận xét của CBQL			Đánh giá của tổ trưởng và GV						
		Thường xuyên	Không thường xuyên	Không thực hiện	Mức độ thực hiện			Kết quả thực hiện			
					Thường xuyên	Không thường xuyên	Không thực hiện	Tốt	Khá	TB	Yếu
1	QL xây dựng mối quan hệ tương tác (thầy-trò- môi trường DH) trong dạy- học	100	0	0	95	4	1	95	4	1	0
2	QL xây dựng thư viện lớp phục vụ học tập theo sự phạm tương tác	85,6	14,4	0	76	22	2	76	20	4	0
3	QL sử dụng, bảo quản các phương tiện dạy- học trong lớp theo sự phạm tương tác	85,6	14,4	0	80	16	4	75	20	5	0

##### b. Quản lý môi trường bên ngoài nhà trường

**Bảng 2.28: Kết quả đánh giá thực trạng QL môi trường bên ngoài nhà trường (%)**

TT	Nội dung	Tự nhận xét của CBQL			Đánh giá của tổ trưởng và GV						
		Thường xuyên	Không thường xuyên	Không thực hiện	Mức độ thực hiện			Kết quả thực hiện			
					Thường xuyên	Không thường xuyên	Không thực hiện	Tốt	Khá	TB	Yếu
1	Chính trị, kinh tế, xã hội	100	0	0	95	5	0	95	5	0	0
2	Luật pháp, văn bản pháp quy về GD-ĐT	85,6	14,4	0	76	22	2	76	20	4	0
3	Chính sách đối với GD-ĐT	85,6	14,4	0	80	16	4	75	20	5	0
4	Phát triển khoa học công nghệ	100	0	0	95	5	0	85	14	1	0
5	Vị trí trường trú đóng	100	0	0	87	12	1	85	15	0	0
6	Cộng đồng dân cư	91,3	8,7	0	85	15	0	82	13	2	0
7	Văn hóa địa phương	91,3	8,7	0	85	13	2	82	15	3	0

#### 2.2.5. Đánh giá chung

##### 2.2.5.1. Những mặt mạnh

##### 2.2.5.2. Những mặt hạn chế

- Việc nhận thức không đồng đều ở những công việc khác nhau trong các BP QL của CBQL các cấp.

- QL xây dựng kế hoạch DH tính khả thi chưa cao.

- Việc phân công giảng dạy cho GV chưa thật khách quan, khoa học.
- Công tác bồi dưỡng GV còn nhiều phụ thuộc vào cơ chế, chính sách.
- Năng lực chuyên môn nghiệp vụ DH chưa đồng đều trong đội ngũ của nhà trường.
- DH chưa chú ý phát triển phẩm chất, năng lực HS nhằm đáp ứng với mục tiêu ĐMCBTGD.
- CSVC chưa đảm bảo cho hoạt động dạy và học được tổ chức theo hướng tích cực.
- QL đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS chưa thật sự là mục tiêu để động viên khuyến khích GV tiến hành đổi mới PPDH hiệu quả.

*2.2.5.3. Nguyên nhân của những thành công và những hạn chế trong công tác quản lý hoạt động dạy học ở trường tiểu học tại TPHCM trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục*

- Nhận thức và năng lực QL của CBQL các cấp chưa thực sự đáp ứng việc tiến hành đổi mới QL hoạt động DH.
- CBQL các cấp không được ĐT hoặc không được bồi dưỡng về khoa học QL GD một cách cơ bản.
- Cơ chế QL hoạt động DH ở các trường TH trên địa bàn TPHCM hiện nay còn những yếu tố chưa phù hợp, chưa đáp ứng được mục tiêu ĐMCBTGD TH hiện nay.
- Trong QL, còn những thiếu sót chưa được khắc phục kịp thời như: phân công GV giảng dạy chưa phù hợp, sử dụng CSVC, trang TB, điều kiện hỗ trợ hoạt động DH, việc đánh giá kết quả học tập của HS...
- Công tác tuyên truyền, phối hợp các nguồn lực trong và ngoài nhà trường để QL tốt hoạt động DH còn nhiều hạn chế.

### **2.3. Kết luận chương 2**

## **CHƯƠNG 3**

### **BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI CĂN BẢN VÀ TOÀN DIỆN GIÁO DỤC**

#### **3.1. Định hướng phát triển giáo dục tiểu học của TPHCM trong những năm tới**

##### *3.1.1. Phương hướng chung*

Tiếp tục xây dựng GD TH TPHCM Tiên tiến - Hiện đại - Hội nhập.

##### *3.1.2. Nhiệm vụ trọng tâm*

Đi sâu vào đổi mới QL hoạt động DH và hoạt động DH TH lấy HS làm trung tâm, phát triển phẩm chất, năng lực HS. Đặc biệt đổi mới PPDH

nhằm nâng cao chất lượng DH, đưa ra nhiều mô hình QL hoạt động DH TH để bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ CBQL và GV.

### **3.2. Nguyên tắc cơ bản của việc đề xuất biện pháp**

3.2.1. Nguyên tắc đảm bảo tính mục tiêu, toàn diện

3.2.2. Đảm bảo tính thực tiễn

3.2.3. Đảm bảo tính khả thi, hiệu quả

3.2.4. Đảm bảo tính khoa học, đồng bộ

3.2.5. Đảm bảo tính hệ thống, kế thừa và phát triển

### **3.3. Các biện pháp quản lý hoạt động dạy học ở trường tiểu học tại TPHCM trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục**

**3.3.1. Biện pháp chung: Nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp và giáo viên về công tác quản lý hoạt động dạy học ở trường tiểu học tại TPHCM trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục**

Đây là một BP đầu tiên và quan trọng nhất bởi vì có nhận thức đúng mới có hành động đúng; có nhận thức đúng vấn đề mới tìm mọi cách để đạt mục tiêu đề ra.

**3.3.2. Nhóm biện pháp quản lý hoạt động DẠY ở trường tiểu học tại TPHCM trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục**

3.3.2.1. BP 1: Đổi mới việc QL xây dựng và thực hiện kế hoạch DH

3.3.2.2. BP 2: Hoàn thiện việc QL thực hiện đổi mới PPDH theo quan điểm sư phạm tương tác

3.3.2.3. BP 3: Tăng cường việc quản lý triển khai quan điểm sư phạm tương tác vào trong hoạt động dạy học của giáo viên

3.3.2.4. BP 4: Đổi mới việc QL sử dụng và bồi dưỡng đội ngũ GV

3.3.2.5. BP 5: Đổi mới việc quản lý kiểm tra, đánh giá GV

**3.3.3. Nhóm biện pháp quản lý hoạt động HỌC ở trường tiểu học tại TPHCM trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục**

3.3.3.1. BP 6: Tăng cường việc quản lý triển khai học tập theo quan điểm sư phạm tương tác cho học sinh

3.3.3.2. BP 7: Quản lý hình thành kỹ năng tự học cho học sinh

3.3.3.3. BP 8: Đổi mới việc quản lý kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh theo mục tiêu phát triển năng lực

**3.3.4. Nhóm biện pháp quản lý môi trường dạy học ở trường tiểu học tại TPHCM trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục**

3.3.4.1. BP 9: Tăng cường QL môi trường DH bên trong

3.3.4.2. BP 10: Nâng cao hiệu quả QL môi trường bên ngoài nhà trường

### **3.4. Mối quan hệ giữa các biện pháp**

Muốn QL tốt hoạt động DH ở trường TH trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện GD, CBQL các cấp phải có một hệ thống các BP đồng bộ. Các nhóm BP này không theo thứ tự ưu tiên. Các BP này có mối quan hệ tác động hỗ trợ phụ thuộc lẫn nhau làm cho BP QL hoạt động DH ở trường TH tại TPHCM trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện GD đạt kết quả tốt hơn.

### 3.5. Khảo nghiệm tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp quản lý hoạt động dạy học ở trường tiểu học tại TPHCM trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục

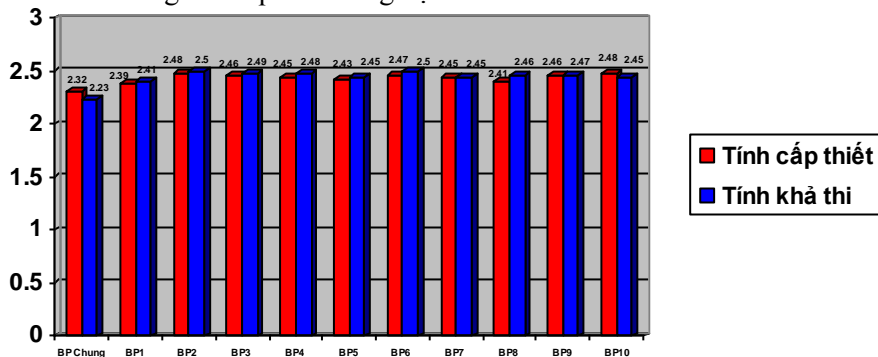
3.5.1. BP chung: Nâng cao nhận thức cho đội ngũ CBQL các cấp và GV về công tác QL hoạt động DH ở trường TH tại TPHCM trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện GD

3.5.2. Nhóm BP QL hoạt động DẠY ở trường TH tại TPHCM trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện GD

3.5.3. Nhóm BP QL hoạt động HỌC ở trường TH tại TPHCM trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện GD

3.5.4. Nhóm BP QL môi trường DH ở trường TH tại TPHCM trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện GD

3.5.5. Đánh giá kết quả khảo nghiệm



**Biểu đồ 3.1: Kết quả khảo nghiệm tính cấp thiết và tính khả thi của các BP**

Các BP đề xuất đều có sự hỗ trợ, đan xen lẫn nhau trong suốt quá trình thực hiện, tạo thành mạng lưới khép kín, bao quát toàn diện các mặt QL hoạt động DH ở trường TH tại TPHCM trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện GD. Qua phân tích kết quả thăm dò cho thấy, các BP đều được CBQL các cấp và GV có kinh nghiệm thừa nhận là cấp thiết và xác nhận tính khả thi của các BP cũng luôn ở tỷ lệ cao ở tất cả các BP. Như vậy, các BP này có thể áp dụng đồng bộ ở các trường TH tại TPHCM nói riêng và các trường TH trong cả nước có đặc thù như TPHCM nói chung.

### **3.6. Thử nghiệm một số biện pháp đã đề xuất**

#### **3.6.1. Mục đích thử nghiệm**

Đánh giá tính *hiệu quả* và *sự phù hợp* của BP QL hoạt động DH ở trường TH trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện GD đã đề xuất, đối với thực tiễn QL hoạt động DH tại các trường TH trên địa bàn TPHCM.

#### **3.6.2. Nội dung thử nghiệm**

- BP 2: Hoàn thiện việc QL thực hiện đổi mới PPDH theo quan điểm sư phạm tương tác.

- BP 4: Đổi mới việc QL sử dụng, bồi dưỡng đội ngũ GV.

**3.6.3. Giới hạn không gian:** 24 trường TH thuộc địa bàn 12/24 quận (huyện) của TPHCM

#### **3.6.4. Giới hạn thời gian**

Tiến hành thử nghiệm từ tháng 01/2015 đến tháng 12/2015.

#### **3.6.5. Giới hạn khách thể khảo sát**

624 CBQL cấp Phòng, CBQL nhà trường.

#### **3.6.6. Phương pháp và tiến trình thử nghiệm**

##### **3.6.6.1. Chuẩn bị thử nghiệm**

- Chọn 24 trường TH: có điểm trường lẻ, trường đạt chuẩn quốc gia, có địa bàn trường thuộc vùng trung tâm đô thị, có những trường thuộc vùng ngoại thành (các xã), có trường DH 2 buổi/ngày, DH 1 buổi/ngày... trên địa bàn TPHCM để chỉ đạo thử nghiệm.

- Thống nhất các tiêu chí đánh giá:

+ Đánh giá mức độ trung cầu ý kiến: *Tốt, Khá, Trung bình, Kém.*

+ Đánh giá tiết dạy theo phiếu dự giờ: *Tốt, Khá, Trung bình, Chưa đạt yêu cầu.*

+ So sánh kết quả *trước và sau thử nghiệm* của các BP tác động.

- Chọn đối tượng thử nghiệm: CBQL, GV.

- Cách thức đối chứng: Lấy phiếu khảo sát đối với CBQL các cấp, GV các trường TH trước khi triển khai thử nghiệm (tháng 01/2015) và sau khi triển khai thử nghiệm (tháng 12/2015).

- Chuẩn bị điều kiện thử nghiệm: Tổ chức cuộc họp với CBQL cấp Phòng (Lãnh đạo, chuyên viên), với CBQL cấp trường (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng) đối với các trường tham gia thử nghiệm.

##### **3.6.6.2. Triển khai thử nghiệm chung**

- Tổ chức cuộc họp BGH mở rộng các trường TH thử nghiệm gồm: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Tổ trưởng chuyên môn, GV.

- Đo lường kết quả thử nghiệm các hoạt động thông qua phiếu hỏi thăm dò ý kiến của CBQL các cấp, GV.

##### **3.6.6.3. Triển khai thử nghiệm các nội dung cụ thể**



Mỗi nội dung thử nghiệm cụ thể được trình bày như sau: Cách thực hiện; Sản phẩm; Tiêu chí đánh giá.

a. BP 2: Hoàn thiện việc QL thực hiện đổi mới PPDH theo quan điểm sư phạm tương tác

- (1) GV nắm vững về chủ trương chỉ đạo đổi mới PPDH.
- (2) GV hiểu rõ về nội dung lý thuyết của các PPDH tích cực.
- (3) GV vận dụng PPDH tích cực vào soạn bài đạt hiệu quả.
- (4) GV vận dụng PPDH tích cực vào hoạt động DH đạt hiệu quả.

b. BP 4: Đổi mới việc QL sử dụng, bồi dưỡng đội ngũ GV.

- (1) GV được sắp xếp, bố trí hợp lý.
- (2) GV nhận thức tốt về vị trí, vai trò của mình trong việc đảm bảo chất lượng DH đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện GD.

(3) Đội ngũ GV đảm bảo có trình độ ĐT sư phạm đạt chuẩn.

(4) Đội ngũ GV đảm bảo đủ năng lực DH đáp ứng yêu cầu đổi mới PPDH.

### 3.6.7. Kết quả thử nghiệm

- BP 2: Hoàn thiện việc QL thực hiện đổi mới PPDH theo quan điểm sư phạm tương tác (thuộc nhóm BP QL hoạt động dạy ở trường TH tại TPHCM trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện GD).

**Bảng 3.5. Kết quả thử nghiệm BP 2**

Nội dung	Trước thử nghiệm					Sau thử nghiệm						
	Tốt (3)	Khá (2)	ĐYC (1)	Kém (0)	TBC	Thứ bậc	Tốt (3)	Khá (2)	ĐYC (1)	Kém (0)	TBC	Thứ bậc
ND1	101	286	215	22	<b>1,75</b>	1	267	212	145	0	<b>2,20</b>	1
ND2	139	167	221	97	<b>1,56</b>	2	246	243	135	0	<b>2,18</b>	2
ND3	125	192	179	128	<b>1,50</b>	3	212	235	177	0	<b>2,06</b>	4
ND4	96	194	189	145	<b>1,39</b>	4	238	235	151	0	<b>2,14</b>	3
<b>Cộng</b>					<b>1,55</b>						<b>2,11</b>	

- BP 4: Đổi mới việc QL sử dụng, bồi dưỡng đội ngũ GV (thuộc nhóm BP QL hoạt động dạy ở trường TH tại TPHCM trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện GD).

**Bảng 3.6. Kết quả thử nghiệm BP 4**

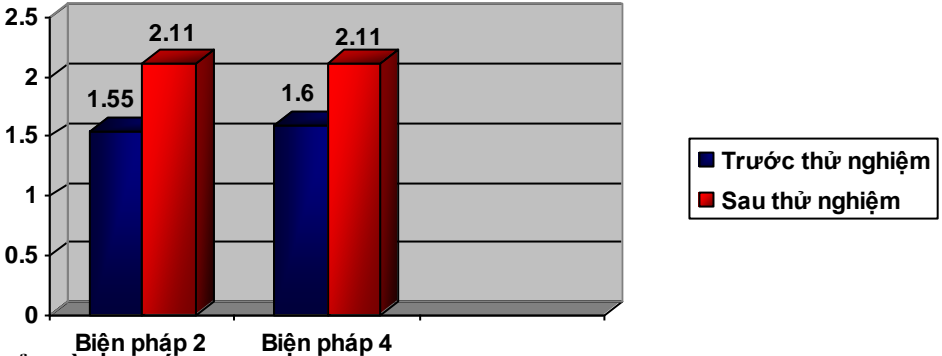
Nội dung	Trước thử nghiệm					Sau thử nghiệm						
	Tốt (3)	Khá (2)	ĐYC (1)	Kém (0)	TBC	Thứ bậc	Tốt (3)	Khá (2)	ĐYC (1)	Kém (0)	TBC	Thứ bậc
ND1	150	171	206	97	<b>1,60</b>	2	225	244	155	0	<b>2,11</b>	3
ND2	103	282	217	22	<b>1,75</b>	1	248	235	141	0	<b>2,17</b>	1
ND3	141	169	217	97	<b>1,56</b>	3	249	224	151	0	<b>2,15</b>	2
ND4	127	194	175	128	<b>1,51</b>	4	214	207	203	0	<b>2,01</b>	4
<b>Cộng</b>					<b>1,60</b>						<b>2,11</b>	

### 3.6.8. Đánh giá chung kết quả thử nghiệm

Đề tài đã thử nghiệm thành công 2 BP QL hoạt động DH ở trường TH trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện GD. Từng BP thử nghiệm

đã cụ thể hóa cách thức thực hiện, xác định rõ sản phẩm hoạt động và tiêu chí đánh giá sản phẩm hoạt động QL một cách rõ ràng.

Hai BP đề xuất đã thử nghiệm có thể áp dụng rộng rãi vào thực tiễn QL hoạt động DH ở trường TH. Đồng thời nghiên cứu tiếp tục vận dụng các BP còn lại để hoàn chỉnh hệ thống các BP QL hoạt động DH ở trường TH tại TPHCM trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện GD hiện nay.



**Biểu đồ 3.2. Kết quả thử nghiệm các BP QL hoạt động DH ở trường TH tại TPHCM trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện GD**

### 3.7. Kết luận chương 3

## KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

### 1. Kết luận

1.1. Nội dung QL hoạt động DH TH theo tiếp cận sự phạm tương tác trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện GD bao gồm: *QL hoạt động dạy* (QL việc xây dựng và thực hiện kế hoạch DH; QL đổi mới PPDH; QL việc triển khai quan điểm sự phạm tương tác vào trong hoạt động dạy của GV; QL việc sử dụng và bồi dưỡng đội ngũ GV; QL hoạt động kiểm tra - đánh giá GV); *QL hoạt động học* (QL triển khai quan điểm sự phạm tương tác vào trong hoạt động học của HS; QL việc hình thành kỹ năng tự học cho HS; QL đổi mới đánh giá kết quả học tập của HS theo mục tiêu phát triển năng lực); *QL môi trường DH* (QL môi trường DH bên trong; QL môi trường bên ngoài nhà trường).

1.2. Công tác QL dạy và học ở các trường TH có phần chưa phản ánh đúng thực chất kết quả GD - ĐT, chưa đáp ứng mục tiêu đổi mới căn bản và toàn diện GD TH, chưa đáp ứng được yêu cầu của xã hội mà trước hết là nhân dân TPHCM.

1.3. Để nâng cao chất lượng GD đáp ứng với yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện GD, tác giả đã đề xuất BP chung và 3 nhóm BP QL hoạt động DH (nhóm BP QL hoạt động dạy; nhóm BP QL hoạt động học; nhóm BP QL môi trường DH) ở trường TH trong bối cảnh đổi mới căn bản và

toàn diện GD. Các BP đề xuất trên đây có mối quan hệ biện chứng, tác động, hỗ trợ nhau trong quá trình thực hiện.

1.4. Kết quả thăm dò cho thấy, các BP đều được CBQL các cấp và GV có kinh nghiệm thừa nhận là cấp thiết và xác nhận tính khả thi của các BP cũng luôn ở tỷ lệ cao ở tất cả các BP. Các BP này có thể áp dụng đồng bộ ở các trường TH trên địa bàn TPHCM nói riêng và các trường TH trong cả nước có đặc thù như TPHCM nói chung.

## **2. Khuyến nghị**

### **2.1. Đối với Nhà nước**

Nhà nước cần tăng cường chính sách đầu tư cho GD: nguồn lực tài chính; quỹ đất...

### **2.2. Đối với Bộ GD và ĐT**

- Tăng cường nghiên cứu, phổ biến, trang bị kiến thức khoa học về QL GD cho đội ngũ CBQL các trường.

- Cần xây dựng chính sách quốc gia và ban hành các văn bản thống nhất chỉ đạo, điều hành và xử lý công tác QL hoạt động DH ổn định, phát triển đúng hướng, có chất lượng, hiệu quả.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 40 của Ban Bí thư Trung ương Đảng ngày 15/6/2004 về công tác xây dựng và phát triển đội ngũ GV và CBQL.

### **2.3. Đối với Sở GD và ĐT TPHCM**

- Xây dựng và hoàn thiện kế hoạch QL hoạt động DH cho các cấp học, ngành học của thành phố.

- Đổi mới công tác chỉ đạo QL hoạt động DH theo hướng đi sâu vào chuyên môn, chú trọng phát triển phẩm chất và năng lực HS.

- Tổ chức tốt các lớp tập huấn, bồi dưỡng CBQL và GV.

### **2.4. Đối với Phòng GD và ĐT các quận (huyện) trên địa bàn TPHCM**

- Cùng cố quy hoạch đội ngũ CBQL, cụ thể tiêu chuẩn CBQL.

- Xây dựng cơ chế tuyển chọn GV.

- Quan tâm chỉ đạo cơ sở, có BP điều chỉnh, uốn nắn kịp thời.

- Tổ chức tốt hội thảo chuyên đề về chuyên môn, về QL hoạt động DH theo các cụm trường TH trong quận (huyện).

### **2.5. Đối với CBQL các trường TH**

- Tích cực chỉ đạo thực hiện việc đổi mới PPDH, DH theo quan điểm sư phạm tương tác.

- Nghiên cứu và vận dụng linh hoạt các BP QL hoạt động DH.

- Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đội ngũ CB, GV.

- Liên hệ và phối hợp tốt với các tổ chức xã hội, tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của các tổ chức, cá nhân cho sự phát triển của nhà trường./.